

Số: 08 /BC-UBBC

Kiên Giang, ngày 18 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình triển khai thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Kiên Giang từ ngày 05/02 đến ngày 18/3/2021 và nhiệm vụ tập trung thời gian tới

Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của Hội đồng bầu cử quốc gia, các văn bản của Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026 chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 từ ngày 05/02/2021 đến ngày 18/3/2021 đạt được một số kết quả và đề ra một số nhiệm vụ tập trung thực hiện trong thời gian tới như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI, LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO (từ ngày 05/02 đến ngày 18/3/2021)

1. Triển khai, lãnh đạo, chỉ đạo công tác bầu cử

1.1. Ủy ban bầu cử tỉnh chủ trì hội nghị tiếp thu các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trong tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026 đến lãnh đạo sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Bí thư hoặc Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Ban Tổ chức, Trưởng phòng Nội vụ, Chủ tịch UBMTTQVN huyện, thành phố (phụ lục 1).

1.2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Ban Chỉ đạo bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 (Quyết định số 46-QĐ/TU ngày 30/11/2020); Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang thành lập Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X nhiệm kỳ 2021-2026 (Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 19/01/2021); Ủy ban bầu cử tỉnh ban hành kế hoạch triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh (Kế hoạch số 18/KH-UBBC ngày 05/02/2021).

Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử tỉnh có thông báo phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Chỉ đạo, thành viên Ủy ban bầu cử đảm bảo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được phân công (Thông báo số 01-TB/BCĐBC ngày 19/02/2021; Thông báo số 19/TB-UBBC ngày 05/02/2021).

2. Thành lập các tổ chức thực hiện công tác bầu cử

2.1. Thành lập Ủy ban bầu cử các cấp



- Cấp tỉnh: Thành lập Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X nhiệm kỳ 2021-2026 vào ngày 19/01/2021 (Quyết định số 125/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang).

Tổng số thành viên Ủy ban bầu cử là 31 người, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Chủ tịch Ủy ban bầu cử tỉnh, 03 Phó Chủ tịch và 27 thành viên.

- Cấp huyện: Có 15/15 huyện, thành phố thành lập Ủy ban bầu cử cấp huyện, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm Chủ tịch Ủy ban bầu cử. Việc thành lập Ủy ban bầu cử cấp huyện đúng thời gian quy định, sớm nhất là ngày 29/01/2021 và chậm nhất là ngày 07/02/2021.

- Cấp xã: Có 144/144 xã, phường, thị trấn thành lập Ủy ban bầu cử cấp xã. Việc thành lập Ủy ban bầu cử cấp xã sớm nhất là ngày 29/01/2021 và chậm nhất là ngày 07/02/2021.

2.2. Thành lập các Tiểu ban giúp việc Ủy ban bầu cử

a) Cấp tỉnh: Ủy ban bầu cử tỉnh thành lập 04 Tiểu ban:

- Tiểu ban An ninh, trật tự và Y tế: Tổng số thành viên là 05, do Giám đốc Công an tỉnh, làm Trưởng Tiểu ban (Quyết định số 20/QĐ-UBBC ngày 05/02/2021).

- Tiểu ban Thông tin, tuyên truyền: Tổng số thành viên là 10, do Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, làm Trưởng Tiểu ban (Quyết định số 21/QĐ-UBBC ngày 05/02/2021).

- Tiểu ban Tổng hợp và Nghiệp vụ bầu cử: Tổng số thành viên là 6, do Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, làm Trưởng Tiểu ban (Quyết định số 22/QĐ-UBBC ngày 05/02/2021).

- Tiểu ban Nhân sự và Giải quyết khiếu nại, tố cáo: Tổng số thành viên là 3, do Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy, làm Trưởng Tiểu ban (Quyết định số 25/QĐ-UBBC).

Các Tiểu ban giúp việc đều xây dựng kế hoạch công tác, dự toán kinh phí và thực hiện nhiệm vụ theo chức trách nhiệm vụ được giao.

b) Cấp huyện: Mỗi huyện có 04 Tiểu ban, 15 huyện, thành phố có 60 Tiểu ban gồm các Tiểu ban: Tiểu ban Thông tin, tuyên truyền; An ninh, trật tự và Y tế; Nhân sự và Giải quyết khiếu nại, tố cáo; Tổng hợp và nghiệp vụ bầu cử.

2.3. Thành lập Ban bầu cử

a) Cấp tỉnh: Thành lập 03 Ban bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và 21 Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X nhiệm kỳ 2021-2026 (phụ lục 2).

b) Cấp huyện: Có 15/15 huyện, thành phố thành lập 163 Ban bầu cử đại biểu HĐND cấp huyện.



c) Cấp xã: Có 144/144 xã, phường, thị trấn thành lập 1.167 Ban bầu cử đại biểu HĐND cấp xã.

3. Kết quả hiệp thương lần thứ nhất

3.1. Cấp tỉnh

Ngày 05/02/2021 Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ nhất về dự kiến, số lượng, cơ cấu, thành phần người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, kết quả như sau:

a) Quốc hội:

- Tổng số đại biểu được bầu: 08 (tỉnh 05 đại biểu; Trung ương 03 đại biểu).

- Tổng số đại biểu, phân bổ, giới thiệu: 13.

- Thành phần: Lãnh đạo chủ chốt: 01 đại biểu; đại biểu chuyên trách: 01; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng: 01 đại biểu; Sĩ Lao động - Thương binh và Xã hội: 03 đại biểu; Sở Giáo dục và Đào tạo: 03 đại biểu; huyện An Biên: 01 đại biểu; tôn giáo: 01 đại biểu.

- Cơ cấu kết hợp: Nữ: 5 đại biểu; dân tộc: 02 đại biểu; ngoài đảng: 01 đại biểu; trẻ tuổi: 01 đại biểu; tái cử: 03 đại biểu.

Tỷ lệ cơ cấu kết hợp đạt yêu cầu theo quy định.

b) Hội đồng nhân dân tỉnh

- Tổng số đại biểu được bầu: 60.

- Tổng số đại biểu, phân bổ, giới thiệu: 138.

- Thành phần: Khối đảng: 03 đại biểu; chuyên trách HĐND tỉnh: 11 đại biểu; chuyên trách Mặt trận: 09 đại biểu; khối sự nghiệp, doanh nghiệp: 03 đại biểu; chính quyền: 05 đại biểu; lực lượng vũ trang: 03 đại biểu; huyện, thành phố 26 đại biểu.

- Cơ cấu kết hợp: Nữ 39 đại biểu (38,24%), dân tộc 13 đại biểu (12,75%); trẻ tuổi 19 đại biểu (18,63%); ngoài Đảng 13 đại biểu (12,75%); đại biểu tái cử trên 30%.

Tỷ lệ cơ cấu kết hợp đạt yêu cầu theo quy định.

3.2. Cấp huyện

- Từ ngày 08/02-17/02/2021 Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam của 15 huyện, thành phố tiến hành hiệp thương lần thứ nhất bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện.

- Tổng số đại biểu, phân bổ, giới thiệu, thành phần, tỷ lệ cơ cấu kết hợp (phụ lục 3).

3.3. Cấp xã



- Từ ngày 08/02-17/02/2021 Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam của 144/144 xã, phường, thị trấn tiến hành hiệp thương lần thứ nhất bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện.

- Tổng số đại biểu, phân bổ, giới thiệu, thành phần, tỷ lệ cơ cấu kết hợp (phụ lục 3).

4. Kết quả hiệp thương lần thứ hai

4.1. Đại biểu Quốc hội:

- Trung ương giao 08 đại biểu được bầu (đại biểu ấn định), trong đó: Tỉnh 05 đại biểu và Trung ương đưa xuống 03 đại biểu.

- Tỉnh dự kiến đưa ra số lượng ứng cử chính thức là 11 và Trung ương: 03 (ứng cử chính thức là 14) để đưa ra bầu lấy 08 đại biểu.

- Hiện tại tỉnh đã có hồ sơ 12 đại biểu.

4.2. Đại biểu HĐND tỉnh

- Đại biểu ấn định là 60.

- Đại biểu đưa ứng cử chính thức là 102.

- Hiện tại đã tiếp nhận 138 hồ sơ ứng cử theo cơ cấu và 01 hồ sơ tự ứng cử.

(Tổng số có 103 hồ sơ, đã hiệp thương lần 2, chính thức 139 hồ sơ để lấy ý kiến cử tri nơi cư trú).

4.3. Đại biểu HĐND cấp huyện

- Đại biểu ấn định: 482.

- Đại biểu đưa ra ứng cử (sau hiệp thương lần 3): 805

- Tự ứng cử: 02.

4.4. Đại biểu HĐND cấp xã:

- Đại biểu ấn định: 3.754.

- Đại biểu đưa ra ứng cử (sau hiệp thương lần 3): 6.319.

- Tự ứng cử: 0.

Hiện tại, đại biểu HĐND cấp xã, cấp huyện đang tổng hợp hồ sơ.

5. Công bố đơn vị bầu cử

Thực hiện Điều 10 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân đến nay Ủy ban bầu cử các cấp đã ấn định và công bố các đơn vị bầu cử như sau:

5.1. Quốc hội đã công bố 03 đơn vị bầu cử trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đúng theo luật định (Nghị quyết số 64/NQ-HĐBCQG ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng bầu cử quốc gia).



5.2. Cấp tỉnh: Có 21 đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (phụ lục 4 đính kèm).

5.3. Cấp huyện: Có 15/15 huyện, thành phố công bố 163 đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện.

5.4. Cấp xã: 144/144 xã, phường, thị trấn công bố 1.167 đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

6. Về kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ công tác bầu cử

6.1. Kinh phí

Ủy ban nhân dân tỉnh đã tạm ứng kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 là **69.990.000.000 đồng**, bằng nguồn ngân sách tỉnh để phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai các công việc bầu cử (Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 12/3/2021).

6.2. Con dấu các tổ chức bầu cử

Đến nay, việc khắc dấu “ỦY BAN BẦU CỬ” cấp tỉnh, huyện, xã đã hoàn tất (tổng số 160 con dấu).

Đang tiến hành khắc con dấu cho Ban bầu cử đại biểu Quốc hội; Ban bầu cử đại biểu HĐND cấp tỉnh, huyện, xã (tổng số 1.354 con dấu).

7. Đánh giá chung

Được sự quan tâm chỉ đạo chặt chẽ của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự nỗ lực của các cấp, các ngành, các bộ phận chuyên môn giúp việc đến nay công tác triển khai bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân tiến hành đúng thời gian do Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân quy định. Công tác đảm bảo cơ sở vật chất được tiến hành khẩn trương, phục vụ kịp thời cho công tác bầu cử.

Hiện nay tỉnh đang chỉ đạo và rà soát nắm chính xác số liệu dân số để xác định số liệu cử tri của từng địa phương trên địa bàn trong tỉnh đảm bảo thực hiện nghiêm Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 14/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trong tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

Để tiếp tục thực hiện tốt Kế hoạch số 18/KH-UBBC ngày 05/02/2021 của Ủy ban bầu cử tỉnh về việc triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh, từ nay đến ngày bầu cử cần tập trung một số nhiệm vụ sau:

1. Tập huấn nghiệp vụ công tác bầu cử bằng hình thức trực tuyến đến các Tổ bầu cử trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Phân bổ kịp thời kinh phí bầu cử cho các đơn vị và địa phương.



3. Lãnh đạo tốt công tác hiệp thương (lần 2, lần 3), lập danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

4. Tăng cường công tác tuyên truyền về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

5. Xác định khu vực bỏ phiếu theo quy định tại Điều 11 Luật Bầu cử cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

6. Thành lập Tổ bầu cử theo quy định tại Điều 25 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, **chậm nhất là ngày 03/4/2021.**

7. Lập và niêm yết danh sách cử tri thực tế bảo đảm tỷ lệ cử tri đi bầu đạt yêu cầu theo quy định của luật hiện hành.

10. Kiểm tra nghiệp vụ công tác bầu cử ở các huyện, thành phố.

Ủy ban bầu cử tỉnh Kiên Giang báo cáo tình hình triển khai thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Kiên Giang từ ngày 05/02 đến ngày 15/03/2021 và một số nhiệm vụ tập trung thời gian tới./. H2

Nơi nhận:

- Hội đồng bầu cử quốc gia;
- BTT. UBTWMTQVN;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia;
- Văn phòng Chính phủ;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh;
- Thành viên UBBC tỉnh;
- Các Tiểu ban thuộc UBBC tỉnh;
- Sở Nội vụ (5b);
- Website Văn phòng UBND tỉnh;
- HĐND, UBND cấp huyện, xã;
- UBBC cấp huyện, cấp xã;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, vttrinh, "HT".

TM. ỦY BAN BẦU CỬ
CHỦ TỊCH



Lâm Minh Thành



Phụ lục 3

**Tỷ lệ cơ cấu thành phần, trình độ người ứng cử đại biểu Quốc hội;
Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; cấp huyện; cấp xã**
(Kèm theo Báo cáo số 08 /BC-UBBC ngày 18 tháng 3 năm 2021
của Ủy ban bầu cử tỉnh Kiên Giang)

1. Tỷ lệ cơ cấu thành phần, trình độ người ứng cử đại biểu Quốc hội

STT	Cơ cấu, thành phần	Số lượng	Tỷ lệ
1.	Nữ	6	
2.	Ngoài đảng		
3.	Dưới 40 tuổi	3	
4.	Người dân tộc thiểu số	4	
5.	Tôn giáo		
6.	Tái cử	2	
7.	Tự ứng cử		
8.	Trên đại học	8	
9.	Đại học	4	
10.	Dưới đại học		

2. Tỷ lệ cơ cấu thành phần, trình độ người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

STT	Cơ cấu, thành phần	Số lượng	Tỷ lệ
1.	Nữ	55	39,56
2.	Ngoài đảng	18	12,94
3.	Dưới 40 tuổi	57	41
4.	Người dân tộc thiểu số	13	9,35
5.	Tôn giáo	6	4,3
6.	Tái cử	28	20,14
7.	Tự ứng cử	1	0,71
8.	Trên đại học		
9.	Đại học		
10.	Dưới đại học		

3. Tỷ lệ cơ cấu thành phần, trình độ người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện

STT	Cơ cấu, thành phần	Số lượng	Tỷ lệ
1.	Nữ	409	42,47
2.	Ngoài đảng	96	9,97
3.	Dưới 40 tuổi	419	43,51
4.	Người dân tộc thiểu số	90	9,35
5.	Tôn giáo	34	3,53



STT	Cơ cấu, thành phần	Số lượng	Tỷ lệ
6.	Tái cử	249	25,86
7.	Tự ứng cử	2	0,2
8.	Trên đại học	142	14,75
9.	Đại học	703	73
10.	Dưới đại học	116	12,05

4. Tỷ lệ cơ cấu thành phần, trình độ người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã:

STT	Cơ cấu, thành phần	Số lượng	Tỷ lệ
1.	Nữ	2.656	35,90
2.	Ngoài đảng	925	12,50
3.	Dưới 35 tuổi	3.791	51,24
4.	Người dân tộc thiểu số	742	10,03
5.	Tôn giáo	254	3,43
6.	Tái cử	2.514	33,98
7.	Tự ứng cử	0	0
8.	Trên đại học	108	1,46
9.	Đại học	3.395	45,89
10.	Dưới đại học	3.845	51,97

5. Số đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp

STT	ĐBQH/ĐBHĐND	Số đại biểu được bầu	Số đơn vị bầu cử	Số Ban bầu cử thành lập
1.	Đại biểu Quốc hội	8	3	3
2.	Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	60	21	21
3.	Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện	482	163	163
4.	Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã	3.754	1.167	1.167



Phụ lục 2
DANH MỤC

Ban bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu

Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026

(Kèm theo Báo cáo số 08 /BC-UBBC ngày 18/ 3 /2021

của Ủy ban bầu cử tỉnh Kiên Giang)

STT	TRÍCH YẾU
1	Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV ở đơn vị bầu cử số 1 (các huyện: Tân Hiệp, Kiên Hải, Giồng Riềng và Gò Quao).
2	Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV ở đơn vị bầu cử số 2 (các huyện: An Biên, An Minh, Vĩnh Thuận, U Minh Thượng và Châu Thành)
3	Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV ở đơn vị bầu cử số 3 (các huyện: Kiên Lương, Hòn Đất, Giang Thành và các thành phố: Rạch Giá, Hà Tiên, Phú Quốc)
4	Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X nhiệm kỳ 2021-2026 ở đơn vị bầu cử số 1 (thành phố Rạch Giá, gồm: Phường Rạch Sỏi, Vĩnh Lợi, An Bình, An Hòa, Vĩnh Lạc, Vĩnh Hiệp)
5	Quyết định số 628/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X nhiệm kỳ 2021-2026 ở đơn vị bầu cử số 2 (thành phố Rạch Giá, gồm: Phường Vĩnh Bảo, Vĩnh Thanh Vân, Vĩnh Thanh, Vĩnh Quang, Vĩnh Thông và xã Phi Thông)
6	Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập (huyện Giồng Riềng, gồm: Xã Bàn Tân Định, Bàn Thạch, Long Thạnh, Thạnh Hòa, Thạnh Bình, Thạnh Phước, Thạnh Hưng, Vĩnh Thạnh và thị trấn Giồng Riềng)
7	Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X nhiệm kỳ 2021-2026 ở đơn vị bầu cử số 4 (huyện Giồng Riềng, gồm: Xã Thạnh Lộc, Ngọc Chúc, Ngọc Thành, Ngọc Thuận, Ngọc Hòa, Hòa Thuận, Hòa An, Hòa Hưng, Hòa Lợi, Vĩnh Phú)
8	Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X nhiệm kỳ 2021-2026 ở đơn vị bầu cử số 5 (huyện Châu Thành, gồm: Xã Giục Tượng, Mong Thọ, Mong Thọ A, Mong Thọ B, Thạnh Lộc)



STT	TRÍCH YẾU
9	Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X nhiệm kỳ 2021-2026 ở đơn vị bầu cử số 6 (huyện Châu Thành, gồm: Xã Vĩnh Hòa Hiệp, Vĩnh Hòa Phú, Bình An, Minh Hòa và thị trấn Minh Lương)
10	Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X nhiệm kỳ 2021-2026 ở đơn vị bầu cử số 7 (huyện Hòn Đất, gồm: Xã Bình Giang, Bình Sơn, Linh Huỳnh, Thổ Sơn, Nam Thái Sơn, Mỹ Thái và thị trấn Hòn Đất)
11	Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X nhiệm kỳ 2021-2026 ở đơn vị bầu cử số 8 (huyện Hòn Đất, gồm: Xã Sơn Kiên, Sơn Bình, Mỹ Thuận, Mỹ Hiệp Sơn, Mỹ Phước, Mỹ Lâm và thị trấn Sóc Sơn)
12	Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X nhiệm kỳ 2021-2026 ở đơn vị bầu cử số 9 (thành phố Phú Quốc, gồm: Xã Hàm Ninh, Dương Tơ, Bãi Thơm, Thổ Châu và phường An Thới).
13	Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X nhiệm kỳ 2021-2026 ở đơn vị bầu cử số 10 (thành phố Phú Quốc, gồm: Xã Cửa Dương, Cửa Cạn, Gành Dầu và phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc)
14	Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X nhiệm kỳ 2021-2026 ở đơn vị bầu cử số 11 (huyện Gò Quao, gồm: Xã Thới Quản, Thủy Liễu, Định Hòa, Định An, Vĩnh Hòa Hưng Bắc)
15	Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X nhiệm kỳ 2021-2026 ở đơn vị bầu cử số 12 (huyện Gò Quao, gồm: Xã Vĩnh Tuy, Vĩnh Thắng, Vĩnh Hòa Hưng Nam, Vĩnh Phước A, Vĩnh Phước B và thị trấn Gò Quao)
16	Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X nhiệm kỳ 2021-2026 ở đơn vị bầu cử số 13 (huyện Tân Hiệp)
17	Quyết định số 640/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X nhiệm kỳ 2021-2026 ở đơn vị bầu cử số 14 (huyện An Minh)



STT	TRÍCH YẾU
18	Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X nhiệm kỳ 2021-2026 ở đơn vị bầu cử số 15 (huyện An Biên)
19	Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X nhiệm kỳ 2021-2026 ở đơn vị bầu cử số 16 (huyện Vĩnh Thuận)
20	Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X nhiệm kỳ 2021-2026 ở đơn vị bầu cử số 17 (huyện Kiên Lương)
21	Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X nhiệm kỳ 2021-2026 ở đơn vị bầu cử số 18 (huyện U Minh Thượng)
22	Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X nhiệm kỳ 2021-2026 ở đơn vị bầu cử số 19 (thành phố Hà Tiên)
23	Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X nhiệm kỳ 2021-2026 ở đơn vị bầu cử số 20 (huyện Giang Thành)
24	Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X nhiệm kỳ 2021-2026 ở đơn vị bầu cử số 21 (huyện Kiên Hải)



Phụ lục 1
DANH MỤC TÀI LIỆU (TRUNG ƯƠNG)
Bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu
Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026
(Kèm theo Báo cáo số 08 /BC-UBBC ngày 18/ 3 /2021
của Ủy ban bầu cử tỉnh Kiên Giang)

STT	TRÍCH YẾU
1	Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13
2	Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 20/6/2020 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.
3	Nghị quyết số 133/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội về ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 (là Chủ nhật, ngày 23 tháng 5 năm 2021).
4	Công văn số 23/VPĐBCQG-VP ngày 15/12/2020 của Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia về việc đề nghị thành lập Ủy ban bầu cử.
5	Công văn số 18/VPĐBCQG-TT ngày 08/01/2021 của Hội đồng Bầu cử Quốc gia về việc triển khai các công việc chuẩn bị tổ chức bầu cử.
6	Nghị quyết số 1185/NQ-UBTVQH14 ngày 11/01/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội khóa XV.
7	Nghị quyết số 1186/NQ-UBTVQH14 ngày 11/01/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết hướng dẫn về việc tổ chức hội nghị cử tri; việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố; việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung
8	Nghị quyết số 1187/NQ-UBTVQH14 ngày 11/01/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, hướng dẫn việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.
9	Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.
10	Kế hoạch số 36/KH-HĐBCQG ngày 15/01/2021 của Hội đồng Bầu cử Quốc gia tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc để quán triệt Chỉ thị của Bộ Chính trị triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026



STT	TRÍCH YẾU
11	Công văn số 39/HĐBCQG-VP ngày 16/01/2021 của Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia về việc tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc triển khai công tác bầu cử
12	Công văn số 26/VPHĐBCQG-VP ngày 18/01/2021 của Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia về việc hướng dẫn các mẫu dấu của các tổ chức phụ trách bầu cử.
13	Nghị quyết liên tịch số 09/2021/NQLT-UBTVQH14- CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15/01/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn quy trình hiệp thương, giới thiệu người ứng cử ĐBQH khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.
14	Nghị quyết số 41/NQ-HĐBCQG ngày 18/01/2021 của Hội đồng bầu cử quốc gia về mẫu hồ sơ ứng cử, mẫu thẻ cử tri, mẫu phiếu bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu, các mẫu văn bản khác sử dụng trong công tác bầu cử.
15	Nghị quyết số 05/NQ-HĐBCQG ngày 16/9/2020 của Hội đồng bầu cử quốc gia về phân công thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia
16	Kế hoạch số 42/KH-HĐBCQG ngày 19/01/2021 của Hội đồng bầu cử quốc gia triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026
17	Thông tri số 13/TT-MTTQ-BTT ngày 19/01/2021 của Ban Thường trực ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.
18	Hướng dẫn số 36-HD/BTCTW ngày 20/01/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về công tác nhân sự đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.
19	Hướng dẫn số 13-HD/UBKTTW ngày 02/12/2020 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về việc giải quyết tố cáo, khiếu nại về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 của các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp.
20	Hướng dẫn số 169-HD/BTGTW, ngày 20/01/2021 của Ban Tuyên giáo Trung ương về tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.
21	Kế hoạch số 4711/KH-BTTTT, ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về công tác thông tin, tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021- 2026.
22	Thông tư số 01/2021/TT-BNV ngày 11/01/2021 của Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

STT	TRÍCH YẾU
23	Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

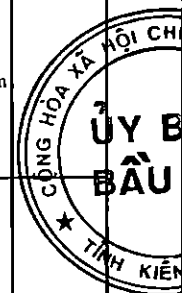


**ỦY BAN BẦU CỬ
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG
NHỮNG NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV TẠI TỈNH KIÊN GIANG**

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Tôn giáo	Quê quán	Nơi ở hiện nay	Trình độ					Nghề nghiệp, chức vụ	Nơi công tác	Ngày vào Đảng (nếu có)	Là đại biểu QH (nếu có)	Là đại biểu HĐND (nếu có)	Ghi chú
									Giáo dục phổ thông	Chuyên môn, nghiệp vụ	Học hàm, học vị	Lý luận chính trị	Ngoại ngữ						
1	Nguyễn Thế Anh	10/8/1973	Nam	Việt Nam	Kinh	Không	Xã Ngự Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá	Số 264, đường Lâm Quang Ky, Khu phố 4, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	12/12 phổ thông	Đại học An ninh nhân dân		Cao Cấp	Tiếng Anh trình độ B	Bộ đội Biên phòng, Đại tá, Tỉnh uỷ viên, Chi huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Kiên Giang	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Kiên Giang	19/8/1996			
2	Nguyễn Thị Kim Bé	10/9/1968	Nữ	Việt Nam	Kinh	Không	Xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	Số BT 1 - 22, đường Trần Bạch Đằng, phường An Hoà, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	12/12 phổ thông	Đại học sư phạm Văn	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Cao cấp	Tiếng Anh trình độ B	Cán bộ, Tỉnh uỷ viên, Phó Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Kiên Giang	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Kiên Giang	03/01/1994	Khoá XII, XIII, XIV	Đại biểu HĐND tỉnh nhiệm kỳ 2004-2011	
3	Nguyễn Thị Bé	01/02/1986	Nữ	Việt Nam	Kinh	Không	Xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Số 50/6, đường Đặng Trần Côn, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	12/12 phổ thông	Đại học Công tác xã hội và phát triển cộng đồng		Trung cấp	Tiếng Anh trình độ B1	Công chức, Phó Chánh Văn phòng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Kiên Giang	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Kiên Giang	06/5/2013			
4	Đỗ Thanh Bình	15/3/1967	Nam	Việt Nam	Kinh	Không	Xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	Số P4-61, đường 3/2, phường An Hoà, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	12/12 bổ túc	Đại học Kinh tế chính trị	Thạc sĩ Kinh tế	Cử nhân	Tiếng Anh trình độ C	Cán bộ, Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh uỷ Kiên Giang	Tỉnh uỷ Kiên Giang	19/9/1990		Đại biểu HĐND tỉnh nhiệm kỳ 2011-2016	
5	Châu Quỳnh Dao	18/5/1977	Nữ	Việt Nam	Khmer	Không	Phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Số 147, đường Trương Định, Khu phố 5, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	12/12 phổ thông	Đại học Sư phạm Ngữ văn	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Cao cấp	Tiếng Anh trình độ B1	Giáo viên, Hiệu trưởng Trường Phổ thông trung học dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang, thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kiên Giang	Trường Phổ thông trung học Dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang, thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kiên Giang	28/7/2005	Khoá XIV		



STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Tôn giáo	Quê quán	Nơi ở hiện nay	Trình độ					Nghề nghiệp, chức vụ	Nơi công tác	Ngày vào Đảng (nếu có)	Là đại biểu QH (nếu có)	Là đại biểu HĐND (nếu có)	Ghi chú	
									Giáo dục phổ thông	Chuyên môn, nghiệp vụ	Học hàm, học vị	Lý luận chính trị	Ngoại ngữ							
6	Kim Ngọc Diễm	03/12/1973	Nam	Việt Nam	Kinh	Không	Xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang	P27, số 26, Đường 16, Khu đô thị Phú Cường, phường An Hoà, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	12/12 phổ thông	Đại học An ninh nhân dân			Cao Cấp	Tiếng Anh trình độ B	Bộ đội, Phó Trưởng phòng, Phòng Phòng chống ma tuý và tội phạm, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Kiên Giang	19/5/1996			
7	Trần Thị Huyền Diệu	20/01/1985	Nữ	Việt Nam	Kinh	Không	Xã Hoà Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang	Số 188, ấp Tư Hạt, xã Thạnh Hoà, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang	12/12 phổ thông	Bác sỹ Thú y	Thạc sỹ Thú y	Trung cấp	Tiếng Anh trình độ B1	Giáo viên, Phó Hiệu trưởng Trường Trung cấp Nghề Dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang	Trường Trung cấp Nghề Dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang, thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Kiên Giang	16/5/2008				
8	Đàm Thanh Lạc	01/11/1978	Nam	Việt Nam	Hoa	Không	Thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang	Số 492, khu phố Quang Mẫn, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang	12/12 phổ thông	Đại học sư phạm tiếng Anh	Thạc sỹ Quản lý giáo dục	Cao cấp	Đại học tiếng Anh	Giáo viên, Hiệu trưởng THPT Giồng Riềng	Trường THPT Giồng Riềng, thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kiên Giang	27/10/2003				
9	Châu Thị Anh Pha	10/3/1977	Nữ	Việt Nam	Hoa	Không	Xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang	Số 69 Quốc lộ 80, tổ 5, khu phố Xã Ngách, thị trấn Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	12/12 phổ thông	Cử nhân Sư phạm khoa học Anh văn	Thạc sỹ Quản lý giáo dục	Trung cấp	Đại học sư phạm Anh văn, Tiếng pháp B	Giáo viên, Phó Hiệu trưởng Trường THCS&THPT Ba Hòn, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Trường THCS&THPT Ba Hòn, huyện Kiên Lương, thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Kiên Giang	03/11/2006				
10	Nguyễn Việt Thắng	13/3/1972	Nam	Việt Nam	Kinh	Không	Xã Vĩnh Bình Nam, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	Số 574, đường Lâm Quang Ky, phường An Hoà, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	12/12 phổ thông	Đại học Luật	Thạc sỹ Quản lý công	Cao cấp	Tiếng Anh trình độ C, B1	Cán bộ, Phó Bí thư Thường trực Huyện uỷ An Biên	Huyện uỷ An Biên, tỉnh Kiên Giang	11/6/1998				
11	Huỳnh Văn Thế	25/12/1988	Nam	Việt Nam	Kinh	Không	Xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang	Số 38, ấp Tây Sơn 2, xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang	12/12 phổ thông	Kỹ sư Thủy sản		Trung cấp	Tiếng Anh trình độ B	Cán bộ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hưng Yên	Ủy ban nhân dân xã Hưng Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang	04/10/2013				
12	Lý Anh Thư	05/5/1976	Nữ	Việt Nam	Kinh	Không	Xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	Số D8 - 43, đường Lạc Hồng, Khu phố 4, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	12/12 phổ thông	Đại học Tin học	Thạc sỹ Giáo dục học	Cao cấp	Tiếng Anh trình độ B2	Công chức, Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Kiên Giang	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Kiên Giang	13/7/2005				



BẢNG TỔNG HỢP**Dân số, số đại biểu được bầu, số đơn vị bầu cử, số người ứng cử, số tổ bầu cử, nhiệm kỳ 2021-2026**

Tên Tỉnh	Tên ĐVHC cấp huyện	Tên ĐVHC cấp xã	Dân số (người) 31/12/2020	Số lượng đại biểu HĐND			Số đơn vị bầu cử			Số người ứng cử đại biểu HĐND			Số tổ bầu cử
				Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	
Tỉnh Kiên Giang	15	144	1,728,869	3,754	482	60	1,188	163	21	6,319	805	102	1,470
I	Thành phố Rạch Giá		228,416	277	35		86	11		470	58		200
	1	Phường Vĩnh Thanh Vân	11,268	21			5			36			12
	2	Phường Vĩnh Thanh	20,075	23			8			38			26
	3	Phường Vĩnh Quang	39,554	26			8			44			22
	4	Phường Vĩnh Hiệp	17,771	22			9			41			9
	5	Phường Vĩnh Lạc	26,980	24			8			40			22
	6	Phường Vĩnh Bảo	15,751	22			7			37			20
	7	Phường An Hòa	27,531	24			8			40			22
	8	Phường An Bình	19,622	22			6			36			14
	9	Phường Rạch Sỏi	16,277	22			7			37			18

Tên Tỉnh	Tên ĐVHC cấp huyện	Tên ĐVHC cấp xã	Dân số (người) 31/12/2020	Số lượng đại biểu HĐND			Số đơn vị bầu cử			Số người ứng cử đại biểu HĐND			Số tổ bầu cử
				Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	
	10	Phường Vĩnh Lợi	8,238	21			7			35			7
	11	Phường Vĩnh Thông	9,765	21			5			36			10
	12	Xã Phi Thông	15,584	29			8			50			18
II	Thành phố Hà Tiên		48,644	145	30		46	10		241	50		
	1	Phường Đông Hồ	7,752	21	6		6	2		36	10		
	2	Phường Bình San	10,462	21	6		7	2		35	10		
	3	Phường Pháo Đài	7,429	21	6		7	2		35	10		
	4	Phường Tô Châu	6,844	21	3		7	1		35	5		
	5	Xã Mỹ Đức	7,617	21	3		7	1		35	5		
	6	Xã Thuận Yên	6,836	25	3		8	1		42	5		
	7	Xã Tiên Hải	1,704	15	3		4	1		23	5		
III	Huyện Giồng Riềng		225,369	518	35		178	16		858	54		246
	1	Thị trấn Giồng Riềng	20,008	30			11			49			16
	2	Xã Long Thạnh	18,416	30			10			50			19



Tên Tỉnh	Tên ĐVHC cấp huyện	Tên ĐVHC cấp xã	Dân số (người) 31/12/2020	Số lượng đại biểu HĐND			Số đơn vị bầu cử			Số người ứng cử đại biểu HĐND			Số tổ bầu cử
				Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	
	3	Xã Bàn Tân Định	12,935	28			10			46			10
	4	Xã Bàn Thạch	11,976	27			9			45			9
	5	Xã Thạnh Hòa	7,866	26			9			43			9
	6	Xã Thạnh Bình	8,564	26			9			43			10
	7	Xã Thạnh Hưng	16,338	29			10			48			20
	8	Xã Thạnh Lộc	14,389	28			10			46			18
	9	Xã Thạnh Phước	8,435	26			9			43			9
	10	Xã Ngọc Chúc	11,904	27			9			45			15
	11	Xã Ngọc Thành	9,498	26			9			43			12
	12	Xã Ngọc Thuận	9,268	26			9			43			15
	13	Xã Ngọc Hòa	11,582	27			9			45			13
	14	Xã Hòa Thuận	14,089	28			10			46			20
	15	Xã Hòa An	10,224	27			9			45			10
	16	Xã Hòa Hưng	11,285	27			9			45			14
	17	Xã Hòa Lợi	10,502	27			9			45			9

Tên Tỉnh	Tên ĐVHC cấp huyện	Tên ĐVHC cấp xã	Dân số (người) 31/12/2020	Số lượng đại biểu HĐND			Số đơn vị bầu cử			Số người ứng cử đại biểu HĐND			Số tổ bầu cử
				Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	
	18	Xã Vĩnh Thạnh	10,161	27			9			45			9
	19	Xã Vĩnh Phú	7,929	26			9			43			9
IV	Huyện Hòn Đất		156,770	380	35		94	11		631	59		161
	1	Thị trấn Sóc Sơn	15,998	29			7			50			14
	2	Xã Mỹ Hiệp Sơn	12,598	28			7			49			14
	3	Xã Mỹ Thuận	6,412	25			5			40			10
	4	Xã Sơn Kiên	11,233	27			7			47			10
	5	Xã Sơn Bình	8,195	26			6			44			7
	6	Xã Mỹ Lâm	17,849	30			10			50			13
	7	Xã Mỹ Phước	4,646	25			5			40			9
	8	Xã Mỹ Thái	3,594	25			5			40			5
	9	Thị trấn Hòn Đất	12,676	28			6			45			14
	10	Xã Bình Sơn	14,289	28			6			45			20
	11	Xã Bình Giang	14,920	28			9			47			14

Tên Tỉnh	Tên ĐVHC cấp huyện	Tên ĐVHC cấp xã	Dân số (người) 31/12/2020	Số lượng đại biểu HĐND			Số đơn vị bầu cử			Số người ứng cử đại biểu HĐND			Số tổ bầu cử
				Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	
	12	Xã Nam Thái Sơn	10,755	27			9			45			9
	13	Xã Linh Huỳnh	9,349	26			6			43			10
	14	Xã Thổ Sơn	14,256	28			6			46			12
V	Thành phố Phú Quốc		144,460	222	32		61	10		368	54		
	1	Phường Dương Đông	44,607	27			9			45			
	2	Phường An Thới	34,116	25			8			42			
	3	Xã Dương Tơ	15,853	30			6			48			
	4	Xã Hàm Ninh	10,336	27			8			46			
	5	Xã Cửa Dương	19,189	30			8			49			
	6	Xã Cửa Cạn	5,679	22			5			36			
	7	Xã Gành Dầu	8,907	25			7			43			
	8	Xã Bãi Thơm	3,904	21			5			34			
	9	Xã Thổ Châu	1,869	15			5			25			
VI	Huyện An Biên		115,584	248	32		88	11		430	54		88

Tên Tỉnh	Tên ĐVHC cấp huyện	Tên ĐVHC cấp xã	Dân số (người) 31/12/2020	Số lượng đại biểu HĐND			Số đơn vị bầu cử			Số người ứng cử đại biểu HĐND			Số tổ bầu cử
				Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	
	1	Thị trấn Thứ Ba	11,981	27	3		8	1		46	5		8
	2	Xã Hưng Yên	14,935	28	3		10	1		48	5		10
	3	Xã Đông Yên	12,241	27	3		9	1		45	5		9
	4	Xã Đông Thái	16,409	29	6		13	2		55	10		13
	5	Xã Nam Yên	14,866	28	6		10	2		48	10		10
	6	Xã Nam Thái	13,020	28	3		10	1		48	5		10
	7	Xã Nam Thái A	7,615	26	2		9	1		46	4		9
	8	Xã Tây Yên	13,915	28	3		10	1		48	5		10
	9	Xã Tây Yên A	10,602	27	3		9	1		46	5		9
VII	Huyện An Minh		116,217	294	32		81	11	0	498	54		107
	1	Thị trấn Thứ 11	6,770	25	3		8	1		42	5		8
	2	Xã Thuận Hòa	14,581	28	3		8	1		48	5		11
	3	Xã Đông Hòa	20,747	30	3		11	1		52	5		15
	4	Xã Tân Thạnh	10,644	27	3		7	1		47	5		10



Tên Tỉnh	Tên ĐVHC cấp huyện	Tên ĐVHC cấp xã	Dân số (người) 31/12/2020	Số lượng đại biểu HĐND			Số đơn vị bầu cử			Số người ứng cử đại biểu HĐND			Số tổ bầu cử
				Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	
	5	Xã Đông Thạnh	10,736	27	3		8	1		46	5		11
	6	Xã Đông Hưng A	7,646	26	3		8	1		44	5		10
	7	Xã Đông Hưng	10,007	27	3		7	1		47	5		9
	8	Xã Vân Khánh Đông	8,489	26	3		6	1		42	5		7
	9	Xã Vân Khánh	10,772	27	3		6	1		45	5		11
	10	Xã Vân Khánh Tây	5,964	25	2		5	1		40	4		5
	11	Xã Đông Hưng B	9,861	26	3		7	1		45	5		10
VIII	Huyện Châu Thành		161,230	286	35		98	12		478	59		174
	1	Thị trấn Minh Lương	22,838	30	5		10	2		50	9		14
	2	Xã Mong Thọ A	9,937	26	3		9	1		44	5		14
	3	Xã Thạnh Lộc	16,738	29	3		10	1		49	5		19
	4	Xã Mong Thọ	8,145	26	3		9	1		44	5		11
	5	Xã Mong Thọ B	14,267	28	3		10	1		44	5		16
	6	Xã Giục Tượng	16,619	29	3		10	1		49	5		19

ỘI CH

JY B
3ÂU

INH KIẾN

Tên Tỉnh	Tên ĐVHC cấp huyện	Tên ĐVHC cấp xã	Dân số (người) 31/12/2020	Số lượng đại biểu HĐND			Số đơn vị bầu cử			Số người ứng cử đại biểu HĐND			Số tổ bầu cử
				Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	
	7	Xã Minh Hòa	20,195	30	6		10	2		50	10		24
	8	Xã Bình An	20,172	30	3		10	1		50	5		19
	9	Xã Vĩnh Hòa Hiệp	17,797	30	3		10	1		50	5		22
	10	Xã Vĩnh Hòa Phú	14,522	28	3		10	1		48	5		16
IX	Huyện Gò Quao		133,776	303	33		112	11		522	55		127
	1	Xã Vĩnh Tuy	11,038	27	3		9	1		46	5		9
	2	Xã Vĩnh Thắng	6,914	25	3		6	1		43	5		6
	3	Xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	15,416	29	3		12	1		48	5		12
	4	Xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	13,671	28	3		11	1		51	5		16
	5	Xã Vĩnh Phước A	8,263	26	3		9	1		44	5		9
	6	Xã Vĩnh Phước B	7,548	26	3		6	1		42	5		6
	7	Xã Định An	17,992	30	3		12	1		54	5		17
	8	Xã Định Hòa	15,270	29	3		12	1		52	5		12
	9	Xã Thủy Liễu	11,302	27	3		9	1		47	5		12

Tên Tỉnh	Tên ĐVHC cấp huyện	Tên ĐVHC cấp xã	Dân số (người) 31/12/2020	Số lượng đại biểu HĐND			Số đơn vị bầu cử			Số người ứng cử đại biểu HĐND			Số tổ bầu cử
				Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	
	10	Xã Thới Quản	16,269	29	3		17	1		50	5		17
	11	Thị trấn Gò Quao	10,093	27	3		9	1		45	5		11
X	Huyện Kiên Hải		17,644	86	30		25	10		146	51		27
	1	Xã Hòn Tre	3,877	21	7		6	2		36	12		8
	2	Xã Lại Sơn	6,283	23	9		7	3		39	15		7
	3	Xã An Sơn	4,115	21	8		6	3		35	14		6
	4	Xã Nam Du	3,369	21	6		6	2		36	10		6
XI	Huyện Kiên Lương		79,351	198	30		66	10		332	50		57
	1	Thị trấn Kiên Lương	30,917	30	9		10	3		50	15		12
	2	Xã Kiên Bình	8,364	26	3		9	1		42	5		6
	3	Xã Hòa Điền	9,836	26	3		9	1		44	5		8
	4	Xã Bình An	11,606	27	3		9	1		47	5		9
	5	Xã Bình Trị	6,060	25	3		8	1		43	5		6

Tên Tỉnh	Tên ĐVHC cấp huyện	Tên ĐVHC cấp xã	Dân số (người) 31/12/2020	Số lượng đại biểu HĐND			Số đơn vị bầu cử			Số người ứng cử đại biểu HĐND			Số tổ bầu cử
				Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	
	6	Xã Dương Hòa	7,639	26	3		9	1		44	5		8
	7	Xã Sơn Hải	2,495	19	3		6	1		31	5		4
	8	Xã Hòn Nghệ	2,434	19	3		6	1		31	5		4
XII	Huyện Vĩnh Thuận		82,626	213	30	0	63	10	0	357	50	0	137
	1	Thị trấn Vĩnh Thuận	12,599	28	3		9	1		47	5		17
	2	Xã Vĩnh Bình Bắc	14,870	28	6		9	2		47	10		26
	3	Xã Vĩnh Bình Nam	9,260	26	3		8	1		44	5		16
	4	Xã Bình Minh	5,855	25	3		6	1		43	5		6
	5	Xã Vĩnh Thuận	12,068	27	3		9	1		45	5		23
	6	Xã Tân Thuận	9,402	26	3		8	1		44	5		18
	7	Xã Phong Đông	4,771	25	3		5	1		40	5		9
	8	Xã Vĩnh Phong	13,801	28	6		9	2		47	10		22
XIII	Huyện Tân Hiệp		125,858	300	33		100	11		499	55		146



Tên Tỉnh	Tên ĐVHC cấp huyện	Tên ĐVHC cấp xã	Dân số (người) 31/12/2020	Số lượng đại biểu HĐND			Số đơn vị bầu cử			Số người ứng cử đại biểu HĐND			Số tổ bầu cử
				Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	
	1	Thị trấn Tân hiệp	18,102	30	3		10	1		50	5		22
	2	Xã Thạnh Đông A	16,338	29	3		9	1		49	5		20
	3	Xã Thạnh Trị	12,585	28	3		10	1		46	5		13
	4	Xã Thạnh Đông	15,501	29	3		10	1		48	5		22
	5	Xã Thạnh Đông B	7,679	26	3		9	1		43	5		9
	6	Xã Tân Hiệp A	11,175	27	3		10	1		44	5		11
	7	Xã Tân An	7,641	26	3		8	1		44	5		8
	8	Xã Tân Hội	13,725	28	3		9	1		47	5		13
	9	Xã Tân Thành	8,905	26	3		8	1		43	5		11
	10	Xã Tân Hiệp B	7,883	26	3		9	1		43	5		9
	11	Xã Tân Hòa	6324	25	3		8	1		42	5		8
XIV	Huyện U Minh Thượng		63,616	159	30		58	10		278	50		
	1	Xã Thạnh Yên	9,752	26	6		8	2		44	10		
	2	Thạnh Yên A	6,895	25	3		7	1		43	5		

Tên Tỉnh	Tên ĐVHC cấp huyện	Tên ĐVHC cấp xã	Dân số (người) 31/12/2020	Số lượng đại biểu HĐND			Số đơn vị bầu cử			Số người ứng cử đại biểu HĐND			Số tổ bầu cử
				Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	
	3	Vĩnh Hòa	6,953	25	3		8	1		42	5		
	4	Hòa Chánh	9,803	26	6		9	2		44	10		
	5	Minh Thuận	19,233	30	6		17	2		60	10		
	6	An Minh Bắc	10,980	27	6		9	2		45	10		
XV	Huyện Giang Thành		29,308	125	30		32	9		211	52		
	1	Xã Phú Mỹ	5,343	25	5		7	2		43	9		
	2	Xã Phú Lợi	4,010	25	4		7	1		42	7		
	3	Xã Tân Khánh Hòa	6,057	25	6		7	2		43	10		
	4	Xã Vĩnh Điều	6,635	25	7		6	2		43	12		
	5	Xã Vĩnh Phú	7,263	25	8		5	2		40	14		